TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1095/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2017
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Châu Thị Lệ.
2) Ông Dương Minh Kiên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Thục Đoan – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại Phòng xử số 3 - Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, trụ sở số: 416/2, đường Dương Quảng Hàm, Phường 05, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ kiện hôn nhân gia đình thụ lý số: 1195/2016/TLST-HN ngày 07 tháng 10 năm 2016 về "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1411/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1585/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân C – Sinh năm: 1971; cư trú tại: số 326/18 (số cũ: 262/12), đường số 8, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

- *Bị đơn:* Ông Võ Đức T – Sinh năm: 1970; cư trú tại: số 326/18 (số cũ: 262/12), đường số 8, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp ngày 10 tháng 8 năm 2016 và đơn yêu cầu phân chia tài sản chung ngày 19 tháng 10 năm 2016, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn – bà C, trình bày như sau:

Bà và ông Võ Đức T tự nguyên sống chung với nhau từ năm 2009, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 11, quyển số: 01/2009 ngày 20/2/2009. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên là: Võ Ngọc Xuân A, sinh ngày 25/5/2010. Nhưng từ khi đăng ký kết hôn, thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con. Mặc dù, sống chung một mái nhà nhưng cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không còn sự tôn trọng nhau. Bà C đã cố gắng cải thiện nhưng không hiệu quả. Hiện tại cả hai đã sống trong tình trạng ly thân gần 2 năm nay. Bà C nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà và ông T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà C xin được ly hôn với ông Võ Đức T.

- Về con chung: Bà C xin nuôi con chung tên: Võ Ngọc Xuân A, sinh ngày 25/5/2010 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung gồm:

1. Căn nhà tại địa chỉ: số 326/18 (số cũ: 262/12), đường số 8, Phường M, quận G, TP.HCM, bà C thống nhất với giá trị là: 3.255.631.553 đồng theo Biên bản định giá ngày 02/6/2017;

2. Xe ô tô con; Nhãn hiệu: TOYOTA; Số loại: VIOS; Màu sơn: Nâu vàng; Biển số: 51F-456, bà C thống nhất với giá: 470.000.000 đồng theo Biên bản định giá ngày 02/6/2017;

Tổng giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà C, ông T là: 3.725.631.553 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi mốt ngàn năm trăm năm mươi ba đồng*).

Bà yêu cầu chia đôi, tức là giá trị mỗi bên được hưởng là: 1.862.815.777 đồng. Cụ thể, Bà yêu cầu Tòa án phân chia như sau:

- Đối với căn nhà tại địa chỉ: số 326/18 (số cũ: 262/12), đường số 8, Phường M, quận G, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 123 do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2010. Bà xin nhận nhà vì bà đang có nhu cầu để ở và nuôi con và sẽ trả cho ông T phần giá trị, tương đương với giá trị ½ căn nhà là: 3.255.631.553 đồng/2 = 1.627.815.777 đồng.

- Đối với xe ô tô con; Nhãn hiệu: TOYOTA; Số loại: VIOS; Màu sơn: Nâu vàng; Biển số: 51F-456, xe hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng, xe đứng tên ông T. Nên bà xin giao xe cho ông T và sẽ nhận phần giá trị, tương đương với giá trị ½ xe là: 470.000.000 đồng/2= 235.000.000 đồng.

Việc giao nhà, xe, tiền được thực hiện sau 15 ngày kể từ ngày Bản án có hiệu lực.

Đối với chi phí định giá, bà C xin tự nguyện chịu và đề nghị Tòa án không giải quyết gì liên quan đến chi phí định giá.

- Về nợ chung: Không có

Bị đơn – ông T được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia Phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều

227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa hôm nay, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp có ý kiến như sau:

Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý vụ án ngày 07/10/2016 đến ngày 07/7/2017, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử là chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân C được ly hôn với ông Võ Đức T.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Ngọc Xuân A, sinh ngày 25/5/2010 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi bà C có yêu cầu.

- Về tài sản chung:

Đối với căn nhà tại địa chỉ: Số 326/18 (số cũ: 262/12), đường số 8, Phường M, quận Gò Vấp, TP.HCM Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 123 do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2010 giao cho bà C để bà C có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Bà Nguyễn Thị Xuân C có trách nhiệm giao cho ông Võ Đức T phần giá trị tương đương với ½ giá trị căn nhà là: 1.627.815.777 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm hai mươi bảy triệu tám trăm mười lăm ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*).

Đối với xe ô tô con biển số: 51F-456 do ông Võ Đức T đứng tên và hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng nên vẫn để ông T tiếp tục sử dụng và buộc ông Võ Đức T hoàn trả lại lại 1/2 giá trị chiếc xe cho bà Nguyễn Thị Xuân C số tiền: 235.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

- Nợ chung: Không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân C nộp cho Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 8 năm 2016; Kết quả xác minh tại Công an Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: "*Ông Võ Đức T, sinh năm: 1970; có hộ khẩu thường trú tại số: 34 đường S, Phường M, quận P nhưng thực tế ông T cư ngụ tại số: 326/18, đường số 8, Phường M, quận G*"; Kết quả xác minh tại Công an Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: "*Ông Võ Đức T, hiện còn cư trú tại số: 326/18, đường số 8, Phường M, quận G*"; Quyết định chuyển vụ án số: 1062/2016/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Kết quả thu thập chứng cứ tại Hội Phụ nữ Phường M, quận G có nội dung: "*Hiện tại, ông Võ Đức T và bà Nguyễn Thị Xuân C vẫn sống chung tại nhà số: 326/18, đường số 8, Phường M, quận G";* Và đơn thay đổi một phần yêu cầu chia tài sản ngày 19 tháng 10 năm 2016. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số: 11, ngày 20 tháng 02 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuân C và ông Võ Đức T là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Về yêu cầu xin ly hôn của bà C xét thấy trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà C đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Ông T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia Phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do, thể hiện ông T không quan tâm đến kết quả xin ly hôn của bà C tại Tòa. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông T.

- Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà C, đồng thời căn cứ vào giấy

khai sinh số: 58, quyển số: 01/2010 ngày 14/6/2010 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà C và ông T có 01 con chung tên: Võ Ngọc Xuân A, sinh ngày 25/5/2010.

Bà C xin nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét điều kiện nuôi con của bà C: Căn cứ vào xác nhận của Công ty TNHH ABC và Bảng lương của bà C, thể hiện bà C hiện đang làm việc tại Công ty TNHH ABC, có việc làm và thu nhập ổn định.

Xét nguyện vọng của trẻ Xuân A: Ngày 19 tháng 6 năm 2016, trẻ Võ Ngọc Xuân A có bản khai tại Tòa với nội dung: "*Con là con của Ba Võ Đức T và Mẹ Nguyễn Thị Xuân C. Nếu ba mẹ ly hôn. Con muốn ở với mẹ vì mẹ chăm sóc con tốt hơn*".

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng ông T không đến Tòa để tham gia Phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, xét xử phiên tòa, điều đó thể hiện ông T không cần biết đến kết quả của việc bà C xin nuôi con tại Tòa.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao trẻ Xuân A cho bà C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có cơ sở và phù hợp với các quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình.

Do bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi bà C có yêu cầu.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 11, ngày 20 tháng 02 năm 2009 giữa bà C và ông T tại Ủy ban nhân dân Phường M quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 123 do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2010 cho ông Võ Đức T và bà Nguyễn Thị Xuân C thể hiện căn nhà trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của bà C và ông T; Căn cứ vào Phiếu trả lời kết quả xác minh ngày 05/12/2016 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Hóa đơn giá trị gia tăng của xe ô tô, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS, Màu sơn: Nâu vàng, Biển số: 51F-456 do ông Võ Đức T đăng ký mới lần đầu ngày 27/07/2015 thể hiện xe ô tô trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của bà C và ông T; Căn cứ Điều 33, Luật Hôn nhân gia đình 2014 quy định, thì tài sản tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà C và ông T gồm:

1. Căn nhà tại địa chỉ: số 326/18 (số cũ: 262/12), đường số 8, Phường M,

quận G, TP.HCM, có giá trị là: 3.255.631.553 đồng theo Biên bản định giá ngày 02/6/2017;

2. Xe ô tô con nhãn hiệu: TOYOTA; Số loại: VIOS; Màu sơn: Nâu vàng; Biển số: 51F-456, có giá trị là: 470.000.000 đồng theo Biên bản định giá ngày 02/6/2017;

Tổng giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà C, ông T là: 3.725.631.553 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi mốt ngàn năm trăm năm mươi ba đồng*).

Căn cứ theo quy định của Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình 2014 về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn, quy định: "… *Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi...*"

Do đó, việc bà C yêu cầu chia đôi tài sản chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T và bà C mỗi người sẽ được ½ giá trị tài sản chung, tương đương với số tiền là: 3.725.631.553 đồng/2 = 1.862.815.777 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười lăm ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*).

Cụ thể việc phân chia tài sản như sau:

Đối với Căn nhà: số 326/18 (số cũ: 262/12), đường số 8, Phường 11, quận Gò Vấp, TP.HCM.

Như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử giao con chung là trẻ Xuân A cho bà C nuôi dưỡng, ông T tạm thời không cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà C và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Do đó, để đảm bảo điều kiện nuôi con cho bà C, nên yêu cầu của bà C được nhận căn nhà tại đia chỉ: số 326/18 (số cũ: 262/12), đường số 8, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 123do UBND quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2010 là phù hợp. Bà C có trách nhiệm giao cho ông T số tiền tương đương với ½ giá trị căn nhà là: 1.627.815.777 đồng (Theo biên bản định giá ngày 02/6/2017) là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình 2014 quy định: "*Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch*".

Bà C có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 123 do UBND quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2010 từ tên bà C ông T sang tên cho riêng bà Nguyễn Thị Xuân C đứng tên; Bà Nguyễn Thị Xuân C phải nộp nghĩa vụ tài chính về thuế trong quá trình sang tên nếu có.

Đối với xe ô tô con; Nhãn hiệu: TOYOTA; Số loại: VIOS; Màu sơn: Nâu vàng; Biển số: 51F-456 do ông Võ Đức T đăng ký mới lần đầu ngày

27/07/2015; Xe hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng, xe đứng tên ông T. Nên xét yêu cầu của bà C xin giao xe cho ông T sở hữu và nhận phần giá trị, tương đương với giá trị ½ xe là: 470.000.000 đồng/2= 235.000.000 đồng theo biên bản định giá ngày 02/6/2017 là phù hợp; Hội đồng xét xử chấp nhận giao xe ô tô con; Nhãn hiệu: TOYOTA; Số loại: VIOS; Màu sơn: Nâu vàng; Biển số: 51F-456 do ông Võ Đức T đăng ký mới lần đầu ngày 27/07/2015 cho ông Võ Đức T. Ông Võ Đức T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Xuân C số tiền: 235.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Xuân C như trên thì ông Võ Đức T được toàn quyền sở hữu xe ô tô con; Nhãn hiệu: TOYOTA; Số loại: VIOS; Màu sơn: Nâu vàng; Biển số: 51F-456

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà C đề nghị việc giao nhà, xe và tiền thực hiện sau 15 ngày kể từ ngày Bản án có hiệu lực là có cơ sở chấp nhận.

Việc chậm Thi hành án sau khi bản án có hiệu lực sẽ phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

Về chi phí định giá bà C tự nguyện nộp và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Bà C chịu theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự được trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) bà C đã nộp tại biên lai số 0008566 ngày 19/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T, bà C sẽ được hưởng 50% giá trị tài sản chung tương đương: 1.862.815.777 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười lăm ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*). Theo quy định Pháp lệnh án phí lệ phí, ông T, bà C phải chịu án phí: 67.884.473 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi ba đồng*)

Bà C được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí: 27.525.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2016/0017562 ngày 28/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Số tiền án phí bà C còn phải nộp là: 40.359.473 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu ba trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi ba đồng*)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 238, 273 của Bộ luật tố

tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân C được ly hôn với ông Võ Đức T (Giấy chứng nhận kết hôn số: 11, ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Ngọc Xuân A, sinh ngày 25/5/2010 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi bà C có yêu cầu.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Xuân C và ông Võ Đức T gồm: căn nhà tại địa chỉ: số 326/18 (số cũ: 262/12), đường số 8, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có giá trị là: 3.255.631.553 đồng theo Biên bản định giá ngày 02/6/2017; Xe ô tô con; Nhãn hiệu: TOYOTA; Số loại: VIOS; Màu sơn: Nâu vàng; Biển số: 51F-456, có giá trị là: 470.000.000 đồng theo Biên bản định giá ngày 02/6/2017;

Tổng giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị Xuân C, ông Võ Đức T là: 3.725.631.553 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi mốt ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

Bà Nguyễn Thị Xuân C, ông Võ Đức T mỗi người hưởng 1/2 giá trị tài sản chung tương đương: 1.862.815.777 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười lăm ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*).

3.1. Giao cho bà Nguyễn Thị Xuân C được sở hữu căn nhà tại địa chỉ: Số 326/18 (số cũ: 262/12), đường số 8, Phường M, quận G, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 123 do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2010.

Buộc ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Xuân C căn nhà tại địa chỉ: Số 326/18 (số cũ: 262/12), đường số 8, Phường M, quận G, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 123do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2010.

Buộc bà Nguyễn Thị Xuân C có trách nhiệm giao cho ông Võ Đức Tsố tiền tương đương với ½ giá trị căn nhà là: 1.627.815.777 đồng (*Bằng chữ: Một*

tỷ sáu trăm hai mươi bảy triệu tám trăm mười lăm ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng) (Theo biên bản định giá ngày 02/6/2017).

Bà C có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 123do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2010 từ tên bà C ông T sang tên cho riêng bà Nguyễn Thị Xuân C đứng tên; Bà Nguyễn Thị Xuân C phải nộp nghĩa vụ tài chính về thuế trong quá trình sang tên nếu có.

3.2. Giao cho ông Võ Đức T sở hữu xe ô tô con; Nhãn hiệu: TOYOTA; Số loại: VIOS; Màu sơn: Nâu vàng; Biển số: 51F-456 do ông Võ Đức T đăng ký mới lần đầu ngày 27/07/2015 cho ông Võ Đức T.

Buộc ông Võ Đức T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Xuân C số tiền: 235.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán bà Nguyễn Thị Xuân C số tiền: 235.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng*) thì ông Võ Đức T được toàn quyền sở hữu Xe ô tô con; Nhãn hiệu: TOYOTA; Số loại: VIOS; Màu sơn: Nâu vàng; Biển số: 51F-456

4. Về nợ chung: Bà C xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Án phí sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*). Bà C chịu theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự được trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) bà C đã nộp tại biên lai số 0008566 ngày 19/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Xuân C đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Đức T phải chịu án phí: 67.884.473 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi ba đồng*).

Bà Nguyễn Thị Xuân C phải chịu án phí: 67.884.473 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi ba đồng*). Bà C được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí: 27.525.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2016/0017562 ngày 28/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Số tiền án phí bà C còn phải nộp là: 40.359.473 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu ba trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi ba đồng*)

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì bên phải thi hành án phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Việc giao nhà, xe, tiền được thực hiện sau 15 ngày kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực. Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-VKSND quận Gò Vấp;
- Chi Cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP; Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Hoàng